

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hùng.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Diệu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1985. Địa chỉ: số C, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/01/2026, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà L và ông H sống chung với nhau vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 024/2008, ngày 10 tháng 3 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Vĩnh Long). Hôn nhân do quen biết mà thành, quá trình sống chung có hạnh phúc đến tháng 11 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình sống chung với nhau, thời gian đầu sống chung rất hạnh phúc, nhưng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do hai bên bất đồng về quan điểm sống, hai

bên thường xuyên cự cãi, lời qua tiếng lại với nhau. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Trong quá trình sống chung với nhau bà L và ông H có 01 (một) con chung tên là Trần Quốc C, sinh ngày 08/12/2008 hiện nay đang sống cùng với bà L được bà L chăm sóc và cho đi học đầy đủ phát triển toàn diện về mọi mặt. Về tài sản chung và nợ chung bà L và ông H không có. Sau thời gian sống chung, thì bà L và ông H phát sinh mâu thuẫn và hai bên đã ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến hiện nay. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân hai bên không đạt được và hai bên không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả đôi bên. Từ đó, bà L, khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long để yêu cầu giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc H. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 08/12/2008. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bà L bận công việc làm ăn không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Quốc H vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn bà Huỳnh Thị L đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quốc H chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 58, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L. Bà L được ly hôn với ông Trần Quốc H. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 08/12/2008 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004199 ngày 10/3/2026 là đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị L yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc H, do bị đơn có địa chỉ thường trú tại số C ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long và qua xác minh ghi nhận không có đăng ký tạm trú tại địa chỉ nào khác nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trần Quốc H quen biết, tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long), theo giấy chứng nhận kết hôn số 024/2008, ngày 10 tháng 03 năm 2008. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống rất hạnh phúc cùng nhau lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau một thời chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau, cả hai không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, những cuộc cự cãi giữa hai vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều làm cho không khí trong gia đình không vui vẻ hạnh phúc. Đồng thời qua xác minh thì được biết ông H và bà L đã ly thân

không còn sống chung. Từ khi mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần tổ chức hòa giải hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng đều không thành như vậy đã đủ cơ sở xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo pháp luật về hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng bế tắc trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Trần Quốc H. Ghi nhận ý kiến của bà L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: xét thấy con chung Trần Quốc C, sinh ngày 08/12/2008 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/4/2026 thì con chung có nguyện vọng được sống chung với bà L) hiện nay đang sống chung ổn định với bà L được bà L cho đi học và phát triển toàn diện; ông H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của bà L nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Trần Quốc C, sinh ngày 08/12/2008 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L. Cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Trần Quốc H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 08/12/2008. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004199 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí bà L đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã An Qui;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc